

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ Quyết định số 4137/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (điều chỉnh) Dự án Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa tại phường Đông Thọ, phường Nam Ngạn và phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa của Liên danh Công ty TNHH Điện tử Tin học Viễn thông EITC và Công ty CP Đầu tư Fortune;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1629/TTr-SNNMT ngày 29/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Liên danh Công ty TNHH Điện tử tin học viễn thông EITC và Công ty Cổ phần đầu tư Fortune (địa chỉ: Số nhà 159 Trần Hưng Đạo, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Khu Đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Khu đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam thành phố Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2801741268 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký lần đầu ngày 11/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10/9/2025.

1.4. Mã số thuế: 2801741268

1.5. Loại hình hoạt động: Đầu tư xây dựng khu đô thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

Nhóm dự án: Dự án có quy mô tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định tại Khoản 1, Điều 10 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; dự án có tổng mức đầu tư từ 240 tỷ đồng đến dưới 4.600 tỷ đồng), Dự án có tổng mức đầu tư là 1.264.026.965.000 đồng.

Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Tổng diện tích khu đất được phê duyệt thực hiện dự án là 548.542,8m² trong đó:

+ Diện tích đất xây dựng trung tâm công cộng (Trung tâm phức hợp, đất thương mại dịch vụ, giáo dục, y tế, nhà văn hóa, hành chính phường): 96.666,50m²

+ Diện tích đất xây dựng nhà ở (Nhà ở biệt thự đơn lập, nhà liền kề, nhà phố thương mại): 146.759,20m²

+ Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội: 11.664,20m²

+ Diện tích đất xây dựng cây xanh, thể dục thể thao, đất mặt nước: 82.719,90m²

+ Diện tích đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật: 4.056,80m²

+ Diện tích đất xây dựng giao thông: 206.676,20m²

- Công suất: Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực dự án. Quy mô dân số tại dự án khoảng 5.928 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

- Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

- Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

- Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Liên danh công ty Công ty TNHH Điện tử, tin học viễn thông EITC và Công ty Cổ phần Đầu tư Fortune:

2.1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Liên danh công ty Công ty TNHH Điện tử tin học viễn thông EITC và Công ty Cổ phần Đầu tư Fortune có trách nhiệm:

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 10/01/2026 đến ngày 10/01/2036).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Hàm Rồng và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Hàm Rồng;
- Liên danh Công ty TNHH Điện tử tin học viễn thông EITC và Công ty CP ĐT Fortune;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 1.312 căn nhà ở (biệt thự đơn lập, nhà liền kề, nhà phố thương mại) khu vực đất ở (bao gồm nước thải tắm giặt, rửa tay chân, nước thải nhà bếp, nước thải dội vệ sinh) lưu lượng là 839,7m³/ngày đêm;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh 02 công trình nhà ở xã hội (bao gồm nước thải tắm giặt, rửa tay chân, nước thải nhà bếp, nước thải dội vệ sinh) lưu lượng là 108,8m³/ngày đêm.;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực đất trung tâm phức hợp, lưu lượng là 43,2m³/ngày đêm;
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực đất nhà ở thương mại dịch vụ, lưu lượng là 199,5m³/ngày đêm;
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực đất giáo dục (bao gồm nước rửa tay chân, nước thải nhà bếp khu vực trường mầm non, nước thải dội vệ sinh), lưu lượng là 37,8m³/ngày đêm;
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực đất y tế, lưu lượng là 3,3m³/ngày đêm;
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực đất nhà văn hóa (bao gồm nước rửa tay chân, nước thải dội vệ sinh), lưu lượng là 37,3m³/ngày đêm;
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực đất hành chính phường (bao gồm nước rửa tay chân, nước thải dội vệ sinh), lưu lượng là 19,7m³/ngày đêm;

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:

- Dự án có 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1500m³/ngày đêm, sau đó tự chảy qua hệ thống đường ống uPVC D250 xả vào hố ga thoát nước chung phía Nam của dự án sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Chu Văn Lương rồi thoát ra kênh Vinh, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa cách khu vực thực hiện dự án khoảng 1500m.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hồ ga thoát nước chung phía Nam của dự án sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Chu Văn Lương rồi thoát ra kênh Vinh, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa cách khu vực thực hiện dự án khoảng 1.500m.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải tại hồ ga thoát nước chung phía Nam của dự án. Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°) X=2192733; Y= 583530.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.500m³/ngày đêm (24 giờ):

2.4.1. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Hình thức xả: Xả mặt.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (Cột C, $F \leq 2000\text{m}^3/\text{ngày}$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2025/BTNMT, cột C ($F \leq 2000\text{m}^3/\text{ngày}$)
1	Nhiệt độ	°C	-
2	pH	-	6-9
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 70
4	Amoni (N-NH ₄ ⁺) tính theo N	mg/l	≤ 10
5	COD	mg/l	≤ 110
6	BOD ₅	mg/l	≤ 50
7	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	$\leq 0,5$
8	Tổng Nitơ (T- N)	mg/l	≤ 30
9	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 10
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 20
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 10
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤ 5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

Hệ thống thoát nước thải được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy độc lập với hệ thống thoát nước mưa, dốc dần từ các hướng về trạm XLNT tập trung. Nước thải (bao gồm nước thải đại tiện, tiểu tiện, nhà bếp) được chia theo các tuyến như sau:

+ Tuyến số 1: gồm các lô 1, 2, 3, 4, 5, 7, 16, 17, 18, 19 → rãnh U 30x50 hoặc cống BTCT D300 → cống BTCT D400 → cống BTCT D500 → Trạm XLNT 1.500m³/ngày đêm.

+ Tuyến số 2: gồm các lô 58, 10, 11, 12, 13, 20, 21 → rãnh U 30x50 hoặc cống BTCT D300 → cống BTCT D400 → cống BTCT D500 → Trạm XLNT 1.500m³/ngày đêm.

+ Tuyến số 3: gồm các lô 22, 23, 24, 25, 26, 27 → rãnh U 30x50 hoặc cống BTCT D300 → cống BTCT D400 → cống BTCT D500 → Trạm XLNT 1.500m³/ngày đêm.

+ Tuyến số 4: gồm các lô 28, 29, 30, 32, 36 → rãnh U 30x50 hoặc cống BTCT D300 → cống BTCT D400 → cống BTCT D500 → Trạm XLNT 1.500m³/ngày đêm.

+ Tuyến số 5: gồm các lô 33, 34, 35, 38, 40, 42, 46, 53 → rãnh U 30x50 hoặc cống BTCT D300 → cống BTCT D400 → cống BTCT D500 → Trạm XLNT 1.500m³/ngày đêm.

+ Tuyến số 6: gồm các lô 37, 41, 43, 45 → rãnh U 30x50 hoặc cống BTCT D300 → cống BTCT D400 → cống BTCT D500 → Trạm XLNT 1.500m³/ngày đêm.

+ Tuyến số 7: gồm các lô 48, 49, 50, 52, 54 → rãnh U 30x50 hoặc cống BTCT D300 → cống BTCT D400 → cống BTCT D500 → Trạm XLNT 1.500m³/ngày đêm.

+ Tuyến số 8: gồm các lô 55, 56, 59 → rãnh U 30x50 hoặc cống BTCT D300 → cống BTCT D400 → cống BTCT D500 → Trạm XLNT 1.500m³/ngày đêm.

Hệ thống thoát nước thải được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy độc lập với hệ thống thoát nước mưa, dốc dần từ các hướng về trạm XLNT tập trung. Nước thải sau khi được xử lý tại trạm XLNT thoát ra hố ga thoát nước thải phía Nam dự án bằng ống PVC D250.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 1500m³/ngày đêm, gồm 02 module hoạt động song song với nhau, mỗi module có công suất 750m³/ngày đêm.

- Căn cứ vào tiến độ lắp đầy thực tế, trong giai đoạn đầu, chủ đầu tư vận hành trước 01 modul có công suất 750m³/ngày.đêm. Thực hiện quan trắc định kỳ đối với nước thải phát sinh tại khu vực dự án với tần suất giám sát 03 tháng/lần. Các thông số quan trắc định kỳ: Nhiệt độ, pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (N-NH₄⁺) tính theo N, COD, BOD₅, Sunfua (S²⁻), Tổng Nitơ (T- N), Tổng Phốt pho (T-P), Dầu mỡ động, thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion, Tổng Coliforms.

- Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, lưu lượng nước thải gia tăng theo quy mô khai thác thực tế, chủ đầu tư sẽ vận hành modul thứ hai đồng thời chủ đầu tư kết nối hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động) có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa. Các thông số quan trắc của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (N-NH₄⁺) tính theo N, COD. Các thông số quan trắc định kỳ (03 tháng/lần): BOD₅, Sunfua (S²⁻), Tổng Nitơ (T- N), Tổng Phốt pho (T-P), Dầu mỡ động, thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion, Tổng Coliforms.

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Hai module của hệ thống xử lý nước thải tập trung có quy trình công nghệ như sau: Nước thải từ các nguồn → Bể gom nước thải tập trung → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Đường ống thu gom D250 → Hồ ga thoát nước thải chung phía Nam dự án.

- Công suất thiết kế của hệ thống: 1500m³/ngày đêm (Gồm 02 module hoạt động song song với nhau, mỗi module 750m³/ngày đêm).

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch Javel; than hoạt tính (Hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và thiết bị đo lưu lượng kênh hở: Hệ thống lắp đặt 01 đồng hồ đo lưu lượng điện từ DN80 tại hồ ga thu gom nước thải tập trung đầu vào của dự án và 01 thiết bị đo lưu lượng kênh hở đầu ra trên mương quan trắc của dự án.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Dự án thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục.
- Số lượng: 01 trạm.
- Vị trí lắp đặt: Tại Mương quan trắc nước thải sau khi xử lý, trước khi xả ra mương thoát nước phía Nam dự án.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), Nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: Lắp đặt trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm.

- Kết nối, truyền số liệu: Phải hoàn thành việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hoá trước khi vận hành thử nghiệm Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý $1.500\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm gồm 2 modul song song, mỗi module có công suất $750\text{m}^3/\text{ngày}$, trong đó có dung tích các bể xử lý và thiết bị lắp đặt được thiết kế với hệ số an toàn $K=1,2$ trong trường hợp khẩn cấp, hệ thống xử lý có thể nâng công suất xử lý tối đa lên $1.800\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đảm bảo khi 01 Modul gặp sự cố cần sửa chữa thì Modul còn lại vẫn có thể hoạt động độc lập và đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải phát sinh cho toàn bộ dự án.

- Toàn bộ hệ thống cống, đường ống thu gom nước thải và các hồ ga, giếng thăm là khép kín và các bể chứa nước của Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng thể tích hữu dụng có thể lưu giữ tạm thời được khoảng 2.534m^3 nước thải (tương đương với lưu lượng nước thải của dự án cần thu gom, xử lý tối đa trong vòng 2 ngày) trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải được lắp đặt thiết bị dự phòng như máy bơm, máy thổi khí (mỗi loại được trang bị 02 thiết bị: 01 làm việc; 01 dự phòng). Hệ thống xử lý nước thải gồm 2 Modul chạy song song, nên khi gặp sự cố có thể vận hành 01 modul và 01 modul sửa chữa, thay thế thiết bị.

- Lắp đặt thiết bị quan trắc tự động liên tục để kiểm soát chất lượng nước đầu ra và truyền số liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm soát.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố phải dừng hoạt động để sửa chữa hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

+ Trường hợp cả 02 Modul gặp sự cố cần sửa chữa, thay thế thiết bị: Công nhân dừng hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải phát sinh được lưu giữ tạm thời trong bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung và đường ống thu gom từ các nguồn về, đồng thời thông báo đến cộng đồng dân cư sinh sống trong dự án biết để hạn chế sử dụng nước đến mức thấp nhất để hạn chế lượng nước thải phát sinh. Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

+ Trường hợp 01 Modul gặp sự cố, công nhân dừng vận hành hoạt động Modul gặp sự cố để khắc phục, sửa chữa, đồng thời tăng hết công suất xử lý của Modul còn lại. Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, đưa Modul vào vận hành xử lý nước thải đạt yêu cầu quy định trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, đơn vị quản lý vận hành hệ thống hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, dự án thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 06 tháng, từ tháng 01/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 1.500m³/ngày đêm (gồm 2 modul, mỗi modul 750m³/ngày đêm).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại bể gom nước chung trước khi bơm vào 02 Modul xử lý.
- 02 vị trí: 01 vị trí tại bể khử trùng nước thải sau Modul số 01 và 01 vị trí tại bể khử trùng nước thải sau Modul số 02.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3. Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 8, điều 1, Thông tư số 07/2025/TTBTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp phép để giám sát) được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐCP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày

30/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.7. Trước khi bàn giao công trình cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này; hoàn thành các thủ tục về nghiệm thu, bàn giao công trình xử lý nước thải đảm bảo các chỉ tiêu đáp ứng các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo Mục 2.4.3 phần A của phụ lục này.

3.8. Đối với đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành sau khi hoàn thành Dự án: Sau khi tiếp nhận quản lý, vận hành, đơn vị tiếp nhận Dự án phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải của dự án, đảm bảo chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM CÁC GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý mùi từ khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 04: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng của công trình nhà văn hóa thanh niên.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Nằm trong khuôn viên dự án, tọa độ đại diện vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiếu 3^0), như sau:

- Nguồn số 01: X = 2193292(m); Y = 582947(m).
- Nguồn số 02: X = 2193298(m); Y = 582948(m).
- Nguồn số 03: X = 2193305(m); Y = 582940(m).
- Nguồn số 04: X = 2193484(m); Y = 582652(m).

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phát sinh tại Dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án, dọc hai bên tuyến đường, khu vực cây xanh thảm cỏ nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

1.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn Huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	126,3
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 05	189,7
3	Thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	16 01 13	231,7
4	Dầu thải	Lỏng	15 02 05	337
5	Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu thải	Rắn	18 02 01	147,3
6	Hộp mực in từ khu văn phòng	Rắn	08 02 04	105,3
7	Than hoạt tính thải	Rắn	12 01 04	266,7
8	Bao bì nhựa cứng nhiễm CTNH	Rắn	18 01 03	421,3
9	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	295,3
10	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế...)	Rắn	13 03 02	252,7
	Tổng			2.373,3

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường khu vực công cộng phát sinh thường xuyên:

TT	Chất thải rắn	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bùn cặn nạo vét hệ thống thoát nước	Bùn	25
2	Bùn thải từ bể phốt	Bùn	283,6
3	Bùn thải từ bể xử lý nước thải	Bùn	10,4
4	Chất thải rắn từ cảnh quan	Rắn	73

TT	Chất thải rắn	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (tấn/năm)
	Tổng		392

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Chất thải rắn	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải sinh hoạt từ người dân lưu trú	Rắn	5.928
2	Chất thải sinh hoạt từ người dân không lưu trú	Rắn	664,6
	Tổng		6.592,6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các hộ dân, nhà đầu tư thứ cấp hoạt động trong khu đô thị tự trang bị các thùng lưu chứa CTNH phát sinh. Thùng lưu chứa bằng nhựa, có nắp đậy.
- Chủ Dự án trang bị các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy để lưu chứa CTNH phát sinh.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: 02 khu chứa CTNH nằm trong khu vực tập kết CTR tại khu vực khuôn viên cây xanh phía Tây Nam dự án.
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, chia thành các ngăn chứa, có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.
- Tần suất thu gom: 06 tháng/lần hoặc tùy theo phát sinh thực tế.
- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường khu vực công cộng

Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải: Thuê đơn vị chức năng định kỳ nạo hút bùn cặn phát sinh từ các bể tự hoại, bể lắng, bể tách dầu thu gom, vận chuyển và xử lý. Định kỳ 6 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các hộ dân, nhà đầu tư thứ cấp hoạt động trong khu đô thị tự trang bị các thùng lưu chứa chất thải hoặc các bao bì mềm PE, PP hai lớp để thu gom, phân loại chất thải tại nguồn để đơn vị thu gom đến vận chuyển đưa đi xử lý tần suất 01/ngày/lần; Các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, có bánh xe đẩy.

- Chủ dự án trang bị các thùng chứa rác có nắp đậy kín tại nơi công cộng như dọc đường giao thông nội bộ, các khu vực công cộng,...

- Bố trí 02 khu vực tập kết chất thải sinh hoạt tại khuôn viên cây xanh phía Tây Nam dự án. Diện tích mỗi khu tập kết rác thải khoảng 20m².

- Chất thải rắn sinh hoạt được đơn vị chức năng đến thu gom hằng ngày (01 lần/ngày) đưa đi xử lý theo quy định. Không lưu chứa chất thải sinh hoạt tại dự án.

- Chuyển giao chất thải: Chỉ được chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐCP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TTBTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố đối với nước thải; ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Liên danh Công ty TNHH điện tử tin học viễn thông EITC và Công ty Cổ phần đầu tư Fortune đã hoàn thành một số các công trình bảo vệ môi trường Dự án Khu Đô thị phía Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa tại phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 4137/QĐ-UBND ngày 21/10/2021. Giai đoạn tiếp theo, Công ty tiếp tục phải hoàn thiện các hạng mục công trình cho toàn dự án, gồm:

- + Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống hạ tầng, hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải của Dự án.

- + Trước khi vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung, cần thực hiện kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hoá.

2. Yêu cầu Liên danh Công ty TNHH điện tử tin học viễn thông EITC và Công ty Cổ phần đầu tư Fortune thực hiện vận hành thử nghiệm đối với các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 trước khi bàn giao cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Trước khi bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành và khai thác dự án: Liên danh Công ty TNHH điện tử tin học viễn thông EITC và Công ty Cổ phần đầu tư Fortune phải thực hiện:

- Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt, định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn từ hoạt

động vệ sinh môi trường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

- Hoàn thành kết nối, truyền số liệu quan trắc tự động liên tục về hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc của Sở Nông Nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2025/BTNMT (Cột C, $F \leq 2000\text{m}^3/\text{ngày}$); khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

2. Sau khi Liên danh Công ty TNHH điện tử tin học viễn thông EITC và Công ty Cổ phần đầu tư Fortune bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành: Đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành và khai thác dự án có trách nhiệm tiếp tục vận hành các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại giấy phép này và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.